

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI H&Đ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI H&Đ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400941340

**3. Ngày thành lập:** 29/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Đại Đồng 1, Xã Danh Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0915553969

Fax:

Email: [nguyenthanhhuong8488@gmail.com](mailto:nguyenthanhhuong8488@gmail.com) Website: [vninfor.com](http://vninfor.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                             | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                    | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                    | 4330     |
| 4.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                               | 4511     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                        | 4610     |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                               | 4651     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                   | 4659     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                           | 4663     |
| 9.  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp                                                                                            | 0210     |
| 10. | Khai thác gỗ                                                                                                                                      | 0220     |
| 11. | Khai thác và thu gom than cứng                                                                                                                    | 0510     |
| 12. | Khai thác và thu gom than non                                                                                                                     | 0520     |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                         | 8230     |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng do công ty sản xuất, kinh doanh | 8299     |
| 15. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu                                                                                         | 6619     |
| 16. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ hoạt động đấu giá)                                     | 6810     |

|     |                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Trừ hoạt động đấu giá) | 6820        |
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                     | 7020        |
| 19. | Quảng cáo                                                                                    | 7310        |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                     | 7410        |
| 21. | Cho thuê xe có động cơ                                                                       | 7710        |
| 22. | Bán buôn tổng hợp                                                                            | 4690        |
| 23. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                             | 4722        |
| 24. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                              | 0810        |
| 25. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                      | 0899        |
| 26. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                        | 2392        |
| 27. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                           | 2394        |
| 28. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                            | 2395        |
| 29. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                 | 2592        |
| 30. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                 | 4799        |
| 31. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                     | 4922        |
| 32. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                    | 4929        |
| 33. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)          | 4931        |
| 34. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                               | 4933        |
| 35. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển               | 7730        |
| 36. | Đại lý du lịch                                                                               | 7911        |
| 37. | Điều hành tua du lịch                                                                        | 7912        |
| 38. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch          | 7990        |
| 39. | Xây dựng nhà để ở                                                                            | 4101        |
| 40. | Xây dựng nhà không để ở                                                                      | 4102        |
| 41. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                | 4211        |
| 42. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                 | 4212        |
| 43. | Xây dựng công trình điện                                                                     | 4221        |
| 44. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                          | 4222        |
| 45. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                           | 4223        |
| 46. | Xây dựng công trình công ích khác                                                            | 4229        |
| 47. | Xây dựng công trình thủy                                                                     | 4291        |
| 48. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                              | 4292        |
| 49. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                   | 4299(Chính) |

|     |                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 50. | Phá dỡ                                                                                               | 4311 |
| 51. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312 |
| 52. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321 |
| 53. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG Giới tính: Nữ  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 16/11/1988 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 121860696  
 Ngày cấp: 21/07/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang  
 Địa chỉ thường trú: Số nhà 02, TDP 1, Thị Trấn Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam  
 Địa chỉ liên lạc: Số nhà 02, TDP 1, Thị Trấn Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang